

Bản án số: 08/2020/DS-PT

Ngày: 19/11/ 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Công Phương.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Đồng cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị B, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn V, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quốc V, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn V, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phan Văn Th, sinh năm 1974.

2. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1983.

Đồng cư trú tại: Số nhà 172 đường Tr, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hồ Thị B, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, trình bày:

Ngày 15/11/2019 (AL) Ông có mua đậu phộng giống của bà Hồ Thị B với tổng số tiền 53.807.000 đồng, Ông đưa trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại thỏa thuận sẽ thanh toán sau khi giao nhận đậu phộng tại nhà Ông. Bà B viết bằng tờ lịch, ghi cụ thể số tiền đưa cho ông Th (người chở đậu phộng thuê) để ông Th sau khi giao hàng lấy tiền về đưa cho bà B, nhưng khi nhận đậu phộng thì Ông phát hiện đậu phộng kém chất lượng, Ông và ông Th đều liên liên lạc lại với bà B và đã thỏa thuận Ông giao trả đậu phộng lại cho bà B, bà B trả lại số tiền đã nhận 30.000.000 đồng cho Ông. Ngay sau đó, Ông đã đi cùng xe của ông Th chở đậu phộng giao trả lại cho bà B. Khi giao trả đậu có ông Th, bà L, Ông và bà B, nhưng khi Ông yêu cầu bà B trả lại 30.000.000 đồng thì bà B hẹn 05 ngày sau sẽ trả. Quá thời hạn trên, rất nhiều lần Ông vào nhà bà B đòi tiền nhưng bà B cứ hẹn mà không trả.

Nay Ông yêu cầu vợ chồng bà B ông V phải trả cho vợ chồng Ông số tiền 30.000.000 đồng, Ông yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày bà B hẹn trả. Ông không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B về yêu cầu vợ chồng Ông trả số tiền 23.807.000 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Bà là vợ ông K, Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày cũng như yêu cầu của ông K.

Bị đơn Hồ Thị B, trình bày:

Bà B thống nhất như lời trình bày của ông K về thời gian mua bán đậu phộng giống, số lượng đậu giống mua bán với tổng số tiền 53.807.000 đồng, số tiền giao trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi ông K nhận đậu phộng thì vợ chồng ông K phải thanh toán đủ số tiền còn lại 23.807.000 đồng cho Bà, số tiền này ông K đưa cho ông Th là người chở đậu phộng thuê đem về giao lại. Sau khi chở đậu phộng đến nhà ông K thì ông Th có liên lạc với Bà là ông K không chịu trả tiền, chê hàng xấu, đòi bớt giá, bà H là vợ ông K cũng nói qua điện thoại đòi bớt giá nhưng Bà không đồng ý, sau đó ông K, bà H nhiều lần đến nhà đòi tiền. Khi chở hàng Bà có trả cho ông Th tiền chở thuê là 500.000 đồng. Tại phiên hòa giải và sau khi đối chất các đoạn ghi âm, bà B thừa nhận là đã nhận hàng của ông K trả lại rồi, nhưng Bà không chấp nhận trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho ông K mà Bà yêu cầu vợ chồng

ông K phải trả cho bà số tiền 23.807.000 đồng theo giấy tờ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc V, trình bày:

Ông là chồng của bà Hồ Thị B, việc mua bán đậu phộng giống giữa vợ Ông với vợ chồng ông K bà H Ông không biết. Sau này có lần Ông gặp bà H đến đòi tiền và đến ngày 30/4/2020 thì vợ chồng bà H dẫn nhiều người đến nhà đòi chở đậu. Thực tế Ông không thấy việc giao nhận đậu phộng. Nay ý kiến của Ông như ý kiến của vợ, Ông không chấp nhận yêu cầu của ông K đòi trả số tiền 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu ông K bà H phải trả cho vợ chồng Ông số tiền mua đậu còn nợ lại là 23.807.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người làm chứng ông Phan Xuân Th, trình bày:

Giữa ông với vợ chồng ông K và vợ chồng bà B không có quan hệ bà con. Vào ngày 15/11/2019 (AL), ông K thuê Ông chở đậu phộng giống ông K mua của bà B. Theo tờ giấy (tờ lịch) bà B đưa cho Ông thì tổng số tiền ông K mua đậu phộng của bà B là 53.807.000 đồng, ông K đưa trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi ông K nhận đậu phộng ông K sẽ trả đủ để Ông đem về giao lại cho bà B. Nhưng ông K nhận đậu phộng thì phát hiện đậu phộng kém chất lượng nên không nhận. Ông và ông K điện thoại cho bà B thì bà B nói chở trả lại cho Bà, Bà trả tiền lại cho ông K, còn tiền chở hàng bà B sẽ trả. Khi ông chở trả lại đậu phộng cho bà B thì có ông K cùng đi. Khi giao trả lại đậu phộng thì ông nghe bà B hẹn ông K bốn, năm ngày nữa bà B sẽ trả lại 30.000.000 đồng cho ông K nên Ông đưa tờ giấy (tờ lịch) có ghi số tiền mua đậu phộng cho ông K và ông K đi về còn vợ chồng Ông xuống đậu phộng cho bà B, bà B trả cho Ông 500.000 đồng tiền chở thuê.

Người làm chứng bà Hồ Thị L, trình bày:

Bà là vợ ông Th, chồng Bà chở hàng thuê, bà là người theo xe bốc hàng, sự việc mua bán, giao trả đậu phộng giống giữa ông K, bà B, Bà thống nhất như lời trình bày của ông Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng bà Hồ Thị B ông Trần Quốc V phải hoàn trả lại cho vợ chồng ông K bà H, tổng số tiền là 31.636.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), trong đó số tiền thanh toán 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả 1.636.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Bác yêu cầu phản tố của bà B, yêu cầu ông K bà H trả số tiền 23.807.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31/7/2020 bị đơn bà Hồ Thị B kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền mua đậu phộng giống còn nợ là 23.807.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Hồ Thị B giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị B. Đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị B, thấy rằng:

[1.1] Ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H với bà Hồ Thị B có giao kết hợp đồng mua bán đậu phộng giống. Cụ thể là vợ chồng ông K bà H có mua đậu phộng giống của bà B với số tiền là 53.807.000 đồng, vợ chồng ông K bà H đã đưa trước cho bà B 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại 23.807.000 đồng vợ chồng ông K sẽ giao đủ khi bà B giao đậu phộng giống cho vợ chồng ông K. Khi vợ chồng ông K bà H nhận đậu phộng giống do ông Th chở tới thì phát hiện đậu phộng giống của bà B kém chất lượng nên vợ chồng ông K liên hệ với bà B và giao trả đậu phộng giống ngay trong ngày 15/11/2019. Khi vợ chồng ông K bà H giao trả lại đậu phộng giống thì bà B hứa năm ngày sau sẽ trả lại 30.000.000 đồng cho vợ chồng ông K nhưng sau đó không trả. Việc vợ chồng ông K bà H giao trả đậu phộng giống cho bà B có sự chứng kiến của ông Phan Xuân Th và bà Hồ Thị L là người được ông K và bà B thuê chở hàng. Mặc khác, tại phiên hòa giải và đối chất bà B cũng thừa nhận đã nhận đậu phộng giống do vợ chồng ông K giao trả lại. Do vậy, án sơ thẩm xử buộc vợ chồng bà B ông V phải trả lại 30.000.000 đồng tiền mua đậu giống cho vợ chồng ông K bà H và tiền lãi 1.636.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 430 và Điều 439 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Đối với việc bà B có yêu cầu phản tố yêu cầu vợ chồng ông K bà H phải trả cho bà B số tiền mua đậu phộng giống còn lại 23.807.000 đồng là không có căn cứ. Bởi vì, đậu phộng giống của bà B bán cho vợ chồng ông K bà H đã bị ông K bà H giao trả lại nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà B là phù hợp.

[1.3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn bà Hồ Thị B phải chịu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, Điều 439, Điều 440, Điều 445, Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị B.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị H. Buộc vợ chồng bà Hồ Thị B ông Trần Quốc V phải trả lại cho vợ chồng ông K bà H tiền mua đậu giống 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 1.636.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng 31.636.000 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).
4. Bác yêu cầu phản tố của bà B, yêu cầu vợ chồng ông K bà H trả số tiền 23.807.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng).
5. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà B ông V phải chịu 2.772.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền

596.000 đồng (Năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) bà B đã nộp theo biên lai thu số 00080 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A, vợ chồng bà B ông K còn phải chịu là 2.176.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Hoàn trả lại cho vợ chồng ông K bà H 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004965 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001341 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm